TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**:** 79/2023/HNGĐ-ST Ngày: 11-8-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn C, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà X khóm V, phường N, thị xã N, Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn D, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà A khóm H, phường N, thị xã N, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/02/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn C trình bày:

Bà và ông Nguyễn D đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung ông D không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi rồi đánh bà nhiều lần như vậy, bà có bỏ nhà đi làm ăn và có đem con theo một thời gian để nuôi sống bản thân và con, sau đó bà không có khả năng nuôi con nên bà đem con về cho ông bà nội của cháu Q nuôi, từ đó bà chia tay với ông D đến nay, ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, hiện nay ông D cũng có bạn gái khác. Vì vậy bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn D.

Về con chung: Bà và ông D có một con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 30/8/2015, hiện nay cháu Q đang sống với ông D và ông bà nội của cháu. Bà yêu cầu giao con chung cho ông Nguyễn D nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bà có đơn xin được xét xử vắng mặt.

2/ Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn C đượ cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 08/02/2017 thì ông và bà C đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã Ngã Năm. Quá trình sống chung vợ chồng ông cũng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, khi ông đi học quân sự ở Sóc Trăng về thì vợ ông đã bỏ nhà đi và ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, còn theo bà C trình bày những mẫu thuẫn như trong đơn kiện là không đúng. Về hôn nhân thì ông cũng thống nhất ly hôn với bà C. Về con chung đúng là ông và bà C có một con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 30/8/2015, cháu Q đang sống với ông và ông bà nội của cháu, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết gì thêm.

3/ Theo biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Q, sinh ngày 30/8/2015 có sự chứng kiến của bà nội cháu tên Hồ K, cháu Q trình bày như sau:

Cháu sống từ nhỏ với cha và ông bà nội của cháu tại khóm H, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, cháu đã học hết lớp 2 tại Trường Tiểu học Phường N. Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với cha cháu.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q cho ông D nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà C theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử

vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn D và bà Nguyễn C được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 08/02/2017 ông D và bà C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông D và bà C, theo bà C cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông D không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi rồi đánh bà nhiều lần như vậy, bà có bỏ nhà đi làm ăn và ly thân với ông D từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa ông D không thống nhất với mâu thuẫn bà C đã nêu trong đơn kiện nhưng cũng thống nhất ly hôn với bà C. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông D và bà C đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông D và bà C là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn D và bà Nguyễn C có một con chung là cháu Nguyễn Q, sinh ngày 30/8/2015, theo bà C và ông D đều trình bày thì hiện nay cháu Q đang sống chung với ông D. Bà C yêu cầu giao con chung cho ông D nuôi dưỡng, còn ông D có yêu cầu nuôi con. Cháu Q hiện nay trên 07 tuổi và có thể hiện mong muốn sống với cha (ông D) sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Ông D và bà C thống nhất tự thỏa thuận giao cháu Q cho ông D nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q cũng như không làm xáo trộn môi trường sống của cháu Q và không làm ảnh hướng đến tâm lý của cháu Q cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận này của ông D và bà C, thống nhất giao cháu Q cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho bà C không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006590

ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông Nguyễn D không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Chân.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn C được ly hôn với ông Nguyễn D.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 30/8/2015 cho ông Nguyễn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Nguyễn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006590 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn D không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường 3, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Vàng